

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 760/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2312/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Số 225 đường LBH, Tổ 7, ấp TT, xã TTH, huyện CC, Thành phố H, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Tạ Xuân T, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: xã TG, huyện TH, tỉnh TB.

Nơi cư trú hiện nay do nguyên đơn cung cấp: Tae Kwwang Metal Co.LTD, Post roxno 770-803 Ughert, 492 Kumho Young Chon, Kyang Buk, South Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã TTH, huyện CC, Thành phố H, Việt Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 31/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 225 đường LBH, Tổ 7, ấp TT, xã TTH, huyện CC, Thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình

không hợp nhau, thường xuyên gây gỗ, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến ngày càng trầm trọng, đến năm 2006 ông Tạ Xuân T đi hợp tác lao động tại Hàn Quốc (South Korea) cho đến nay không còn liên lạc qua lại. Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Tạ Xuân T.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tạ Anh T, sinh ngày 06/01/2004 và Tạ Ái T, sinh ngày 15/6/2006. Hiện nay 02 (Hai) con chung đang chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh X nên bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung, không yêu cầu ông Tạ Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Tạ Xuân T:

Do ông Tạ Xuân T hiện đang cư trú tại nước Hàn Quốc (South Korea) nên Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Hàn Quốc (South Korea) để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Tạ Xuân T biết như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Tạ Xuân T có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T, đồng thời trình bày ý kiến của ông Tạ Xuân T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X. Tuy nhiên, ông Tạ Xuân T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Tạ Xuân T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Tạ Xuân T đã được cơ quan có thẩm quyền niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Tạ Xuân T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T từ lâu đã không còn chung sống, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân

T hiện nay không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh X. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung tên Tạ Anh T, sinh ngày 06/01/2004 và Tạ Ái T, sinh ngày 15/6/2006, không yêu cầu ông Tạ Xuân T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay 02 (Hai) con chung đang chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh X và nguyện vọng của 02 (Hai) con chung được bà Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Tạ Xuân T hiện đang cư trú tại nước Hàn Quốc (South Korea), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X và bị đơn ông Tạ Xuân T tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Tạ Xuân T: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Hàn Quốc (South Korea) để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Tạ Xuân T biết như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Tạ Xuân T có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T, đồng thời trình bày ý kiến của ông Tạ Xuân T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X. Tuy nhiên, ông Tạ Xuân T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Tạ Xuân T. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X đối với bị đơn ông Tạ Xuân T, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị

đơn ông Tạ Xuân T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Tạ Xuân T từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân xã TTH, huyện CC, Thành phố H, Việt Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu ly hôn ông Tạ Xuân T với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 225 đường LBH, Tổ 7, ấp TT, xã TTH, huyện CC, Thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến ngày càng trầm trọng, đến năm 2006 ông Tạ Xuân T đi hợp tác lao động tại Hàn Quốc (South Korea) cho đến nay không còn liên lạc qua lại. Đối với ông Tạ Xuân T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Tạ Xuân T không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X nên được xem bị đơn ông Tạ Xuân T từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và bị đơn ông Tạ Xuân T cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với bà Nguyễn Thị Thanh X. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Tạ Xuân T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X ly hôn ông Tạ Xuân T theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tạ Anh T, sinh ngày 06/01/2004 và Tạ Ái T, sinh ngày 15/6/2006. Xét thấy hiện nay 02 (Hai) trẻ Tạ Anh T và Tạ Ái T đang được bà Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tại bản khai của 02 (Hai) trẻ Tạ Anh T và Tạ Ái T thể hiện có nguyện vọng được bà Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý, học hành của 02 (Hai) trẻ Tạ Anh T và Tạ Ái T, quyết định giao 02 (Hai) trẻ Tạ Anh T và Tạ Ái T cho bà Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Tạ Xuân T theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X đối với bị đơn ông Tạ Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X ly hôn ông Tạ Xuân T.

2. Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tạ Anh T, sinh ngày 06/01/2004 và Tạ Ái T, sinh ngày 15/6/2006; Giao 02 (Hai) con chung tên Tạ Anh T và Tạ Ái T cho bà Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con chung đối với ông Tạ Xuân T cho đến khi có yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X. Việc giao nhận 02 (Hai) con chung tên Tạ Anh T và Tạ Ái T do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013148 ngày 08/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án:

Bà Nguyễn Thị Thanh X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh X được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Tạ Xuân T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn _____ kể từ ngày ông Tạ Xuân T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND xã TTH, huyện CC, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trịnh Minh Đức